**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

B¶n ¸n sè: 48/2019/HNG§-ST
Ngµy 05-11-2019
***V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"***

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Anh Dũng
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

***- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1989 (có mặt)*

*Nơi ĐKHKTT: Thôn Trại Hạ, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.*

*Hiện trú tại: Thôn Trại Tón, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.*

** Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986 (vắng mặt)*

*Nơi ĐKHKTT: Thôn Trại Hạ, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.*

*Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 19/6/2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn ngày 20/6/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị và

anh T về chung sống với nhau tại thôn Trại Hạ, xã Việt Ngọc. Ban đầu vợ cH chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì vợ cH phát sinh mâu thuẫn. Nguyên mâu thuẫn là do vợ cH bất đồng quan điểm sống, anh T mải chơi, nghiện ma túy, không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập vợ con. Đến năm 2015, thì anh T đánh chị dẫn đến hậu quả chị bị hỏng một bên mắt. Tháng 5/2017 thì chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ cH ly thân nhau từ đấy đến nay và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H xác định vợ cH có 02 con chung là Nguyễn Đức Trung, sinh ngày 24/11/2007 và Nguyễn Đức Quân, sinh ngày 05/3/2011. Hiện hai con chung đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị nhận nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm ở công ty may xuất khẩu Hà Phong thu nhập khoảng từ 7-8 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ cH chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh T. Tài sản chung: Chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Nguyễn Đức T tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải có trình bày:

Anh và chị Vũ Thị H kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn vợ cH về chung sống với nhau ngay. Ban đầu vợ cH chung sống hạnh phúc, sau đó anh bị nghiện ma túy phải đi cai nghiện bắt buộc vào cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang từ ngày 26/9/2018. Từ khi anh đi cai nghiện vợ cH không quan tâm đến nhau, chị H không đến thăm hỏi gì. Anh xác định tình cảm vợ cH vẫn còn nên anh không muốn ly hôn với chị H. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ cH có 02 con chung là Nguyễn Đức Trung, sinh ngày 24/11/2007 và Nguyễn Đức Quân, sinh ngày 05/3/2011. Ly hôn anh nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ cH không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Đức T vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn

chị H chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh T, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H. Tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đức Trung, sinh ngày 24/11/2007 và Nguyễn Đức Quân, sinh ngày 05/3/2011. Vấn đề cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

* Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị H và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

* Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Vũ Thị H Hội đồng xét xử thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và cH và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T có một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ cH bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, nghiện ma túy, không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập vợ con, đánh chị H dẫn đến hỏng một bên mắt. Tại biên bản lấy lời khai chị H xác định hai vợ cH ly thân nhau từ tháng 05/2017 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Mặt khác tại biên bản xác minh tại địa phương cũng thể hiện chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2017 sinh sống cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị H xác định tình cảm vợ cH không còn, đề nghị được ly hôn với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H, anh T

đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh T đều xác định vợ cH có 02 con chung là Nguyễn Đức Trung, sinh ngày 24/11/2007 và Nguyễn Đức Quân, sinh ngày 05/3/2011. Cả chị H và anh T đều nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy chị H nhận nuôi dưỡng con chung, chị đang làm công ty may thu nhập trung bình khoảng từ 7-8 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con, các con chung đang do chị H nuôi dưỡng, tại bản tự khai của các cháu Nguyễn Đức Trung, cháu Nguyễn Đức Quân đều viết là nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, anh T là đối tượng đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang không đảm bảo về điều kiện thời gian, kinh tế để chăm sóc con chung, việc anh T nhận nuôi dưỡng hai con chung không có căn cứ để chấp nhận. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của chị H và giao cháu Trung, cháu Quân cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Trung, cháu Quân.

[3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ cH về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H và anh T xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Đức Trung, sinh ngày 24/11/2007 và Nguyễn Đức Quân, sinh ngày 05/3/2011. Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005824 ngày 28/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Vũ Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Việt Ngọc;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**